|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

## TỜ TRÌNH

**Về dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

 Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022;

 Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) như sau:

##  I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

 **1. Đánh giá thực tiễn thi hành Luật Viễn thông năm 2009**

 Luật Viễn thông được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 23/11/2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2010, có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế nói chung và ngành viễn thông nói riêng, đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về viễn thông ở nước ta, đặc biệt là trước xu thế toàn cầu hóa. Sau hơn 12 năm áp dụng, Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn đã tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia thị trường. Mạng lưới cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông hiện đại, chất lượng dịch vụ viễn thông được hoàn thiện và nâng cao, phát triển thị trường viễn thông với đa dạng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

 Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Viễn thông đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp cần được điều chỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi cũng như đáp ứng xu thế phát triển mới:

 - Xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin và tự động hóa đặt ra yêu cầu mới đối với lĩnh vực viễn thông. Công nghệ phát triển đã tạo ra các loại hình dịch vụ, mô hình kinh doanh mới thúc đẩy việc hình thành cơ sở hạ tầng viễn thông mới kết hợp với các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của nền kinh tế. Lĩnh vực viễn thông mở rộng thêm các thành phần hạ tầng và dịch vụ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển là hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số; các dịch vụ viễn thông truyền thống cũng cần thay đổi cách quản lý cho phù hợp để đảm bảo các dịch vụ kết nối, đảm bảo chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên không gian mạng;

 - Các quy định về quản lý và điều tiết thị trường hiện nay đã thể hiện một số bất cập như chưa có quy định về bán buôn dịch vụ viễn thông (cho thuê hạ tầng và bán buôn lưu lượng dịch vụ) để tránh đầu tư lặp lại cơ sở hạ tầng viễn thông, từ đó nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư hạ tầng, tạo thuận lợi gia nhập thị trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cung cấp các dịch vụ mới trên không gian mạng; chưa quy định cụ thể về nghĩa vụ của các doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường trong việc cho thuê hạ tầng, bán buôn lưu lượng;

 - Việc cấp giấy phép cho các doanh nghiệp hiện nay chỉ có một hình thức cấp phép và quy trình, thủ tục giống nhau cho các loại giấy phép, chưa phân loại theo tính chất của mạng, dịch vụ viễn thông, tài nguyên viễn thông, chưa phù hợp với quy mô, đối tượng cung cấp dịch vụ cũng như loại giấy phép viễn thông; Điều kiện cấp phép là vốn pháp định và mức cam kết đầu tư không còn phù hợp;

 - Xu thế phát triển dịch vụ vệ tinh chùm với các dịch vụ xuyên biên giới mang tính chất thu thập dữ liệu, như hình ảnh, truy cập băng rộng tốc độ cao nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, ảnh hưởng đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi của người sử dụng, đồng thời, tác động đến thị trường dịch vụ băng rộng cố định và di động mặt đất trong nước, đòi hỏi phải cụ thể hóa các cam kết quốc tế, các điều kiện, thủ tục, quy trình quản lý thị trường dịch vụ vệ tinh phù hợp;

 - Từ năm 2010 đến nay, Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)..., với những cam kết mới và cao hơn so với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong khi đó, Luật Viễn thông 2009 đã được ban hành hơn 12 năm, trong bối cảnh ngành viễn thông có những bước phát triển mạnh mẽ và Việt Nam phải thực thi nhiều cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên như WTO, CPTPP, EVFTA..., yêu cầu đặt ra là cần nội luật hóa các cam kết và xem xét bổ sung, hoàn thiện một số quy định để thực thi các cam kết đã có trong tình hình phải bảo đảm an toàn, an ninh, bảo đảm chủ quyền quốc gia.

 - Môi trường pháp luật chung có nhiều thay đổi, từ sau năm 2010 Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật đấu giá… đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung, có các nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông cần được xem xét, điều chỉnh để bảo đảm tính đồng bộ, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

##  2. Cơ sở lý luận chính trị

 - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: *“Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”;*

 - Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: “*Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia…”*;

 - Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII: *"Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước".*

 Trên cơ sở đánh giá chi tiết, Quốc hội đã thống nhất sự cần thiết ban hành Luật Viễn thông (sửa đổi) và bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong đó *đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023)*.

 Thực hiện Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó *giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo Luật Viễn thông (sửa đổi).*

##  II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

 **1. Mục đích xây dựng Luật**

 - Thể chế hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước trong hoạt động viễn thông, phát triển hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế số, xã hội số. Huy động các thành phần kinh tế có đủ năng lực tham gia xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số quốc gia;

 - Khắc phục những vấn đề vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách, những bất cập trong các quy định của Luật Viễn thông 2009 và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động viễn thông gây hạn chế quá trình phát triển;

 - Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của Luật này với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

 **2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật:**

 - Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định, những nội dung phù hợp với thực tiễn đã ổn định, đang phát huy hiệu quả tại Luật Viễn thông 2009 và văn bản hướng dẫn chi tiết luật;

 - Sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập, chồng chéo, loại bỏ các quy định không còn phù hợp;

 - Thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng, nội luật hóa các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

 - Nghiên cứu các xu hướng, kinh nghiệm quốc tế về chính sách liên quan đến hoạt động viễn thông để điều chỉnh kịp thời các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn và có tính dự báo.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

 Công tác xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật Viễn thông năm 2009;
2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 trình Chính phủ, đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30/01/2022 và Chính phủ đã có Tờ trình số 53/TTr-CP ngày 28/02/2022 gửi Quốc hội. Quốc hội đã đồng ý đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) tại Nghị quyết số 50/2022/QH15;
3. Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) gồm đại diện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Quyết định số 1765/QĐ-BTTTT ngày 21/9/2022). Đã tổ chức phiên họp toàn thể Ban soạn thảo và Tổ biên tập và các phiên họp chuyên đề của Tổ biên tập và thường trực Ban soạn thảo, các hội thảo với các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xây dựng hồ sơ dự án Luật đầy đủ các báo cáo đánh giá tác động chính sách, tác động thủ tục hành chính, báo cáo lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới, báo cáo rà soát các quy định pháp luật có liên quan đến dự án luật;
4. Tổ chức các hoạt động phục vụ xây dựng dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) như: nghiên cứu chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tham vấn các chuyên gia trong nước và nước ngoài về các chính sách, nội dung của dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), tổ chức học hỏi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài;
5. Đăng tải để lấy ý kiến rộng rãi đối với hồ sơ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định;
6. Lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các hiệp hội có liên quan và tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý cho Luật Viễn thông (sửa đổi);
7. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định (Công văn số 57/BTTTT-CVT ngày 06/01/2023). Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 17/BCTĐ-BTP ngày 10/02/2023 về việc thẩm định dự án Luật Viễn thông (sửa đổi). Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

##  IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

 Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), gồm 10 chương và 73 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9)

Chương II. Kinh doanh viễn thông, gồm 22 điều (từ Điều 10 đến Điều 31)

Chương III. Viễn thông công ích, gồm 03 điều (từ Điều 32 đến Điều 34)

Chương IV. Cấp giấy phép viễn thông, gồm 11 điều (từ Điều 35 đến Điều 45)

Chương V. Kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, gồm 04 điều (từ Điều 46 đến Điều 49)

Chương VI. Tài nguyên viễn thông, gồm 05 điều (từ Điều 50 đến Điều 54)

Chương VII. Quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông, gồm 09 điều (từ Điều 55 đến Điều 63)

Chương VIII. Công trình viễn thông, gồm 05 điều (từ Điều 64 đến Điều 68)

Chương IX. Trách nhiệm quản lý nhà nước về viễn thông, gồm 2 điều (từ Điều 69 đến Điều 70)

Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 71 đến Điều 73).

 Theo đó, bố cục dự thảo Luật sửa đổi về cơ bản vẫn kế thừa từ Luật hiện hành nhưng có chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với những nội dung chính sách mới. Nội dung dự thảo Luật bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 04 chính sách đã được thông qua theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, đồng thời bổ sung thêm 01 chính sách trong quá trình nghiên cứu xây dựng luật, cụ thể:

 **1. Những vấn đề chung**

 - Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Dự án Luật điều chỉnh hoạt động viễn thông trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu phân loại dịch vụ viễn thông trong cam kết WTO về viễn thông, điều chỉnh thuật ngữ “dịch vụ viễn thông”, bổ sung các thuật ngữ “dịch vụ viễn thông cơ bản”, “dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng”, “dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông”, “trung tâm dữ liệu”, “dịch vụ trung tâm dữ liệu”, “điện toán đám mây”, “dịch vụ điện toán đám mây” để điều chỉnh các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông, dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, bổ sung các dịch vụ này vào dịch vụ viễn thông do gắn liền với cơ sở hạ tầng viễn thông và là một phần quan trọng của hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số. Hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây trở thành một cấu phần mở rộng của cơ sở hạ tầng viễn thông. Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông có các tính năng tương tự như dịch vụ viễn thông, còn dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng cung cấp thêm các tính năng lưu giữ, xử lý thông tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua mạng viễn thông;

 - Về giải thích từ ngữ: điều chỉnh các thuật ngữ để phù hợp với xu thế phát triển. Dự thảo Luật cũng bổ sung giải thích các thuật ngữ liên quan đến dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông, dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây làm cơ sở xác định nội hàm và quy định quản lý có liên quan;

 - Về chính sách của Nhà nước về viễn thông: bổ sung chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông mới, thử nghiệm các công nghệ mới, dịch vụ mới nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

 - Về vấn đề bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin; bảo đảm bí mật thông tin: xác định rõ trách nhiệm cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an ninh thông tin và bảo đảm bí mật thông tin, bí mật nhà nước; Xác định rõ các loại thông tin riêng của cá nhân được bảo vệ và trách nhiệm doanh nghiệp phải đảm bảo thông tin riêng của người sử dụng. Các cơ quan nhà nước được quyền yêu cầu cung cấp thông tin riêng trong các trường hợp phục vụ hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

 **2. Chính sách kinh doanh viễn thông và điều tiết thị trường bán buôn**

Việc quản lý và điều tiết thị trường viễn thông được thực hiện theo các nguyên tắc: (1) Thống nhất giữa pháp luật chung về đầu tư, kinh doanh và pháp luật chuyên ngành viễn thông trong hoạt động đầu tư, kinh doanh dịch vụ viễn thông; (2) Kết hợp giữa pháp luật quản lý cạnh tranh chung và pháp luật chuyên ngành để tiếp tục quản lý tốt thị trường bán lẻ, thúc đẩy thị trường bán buôn, tạo ra sân chơi mới, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp mới ra nhập thị trường để phát triển dịch vụ mới, ứng dụng mới; (3) ﻿Tiếp tục phát triển bền vững, đảm bảo hoạt động ổn định của thị trường viễn thông, đảm bảo quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ. Cụ thể:

 - Về cơ bản, các nội dung chương này vẫn kế thừa các quy định của Luật hiện hành về vấn đề sở hữu trong kinh doanh viễn thông (Nhà nước vẫn nắm cổ phần chi phối trong doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động của toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng) và quy định vấn đề sở hữu chéo trong các doanh nghiệp viễn thông; Xác định kinh doanh dịch vụ viễn thông là lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, hoàn thiện các quy định đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về viễn thông trong đầu tư, kinh doanh dịch vụ viễn thông; Hình thức, điều kiện và tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và các cam kết quốc tế;

 - Loại bỏ một số quy định trong Luật Viễn thông 2009 về hành vi cạnh tranh không lành mạnh để thống nhất với Luật Cạnh tranh 2018 và bổ sung các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp thống lĩnh thị trường trên thị trường viễn thông bán buôn và bán lẻ dịch vụ viễn thông với các yếu tố đặc thù, chuyên ngành để thúc đẩy việc mở mạng, kết nối mạng, sử dụng chung cơ sở hạ tầng, cho thuê, mua lại lưu lượng để cung cấp dịch vụ và cạnh tranh lành mạnh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có thể nhanh chóng gia nhập thị trường để phát triển dịch vụ mới.

 - Hoàn thiện các quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, tạo điều kiện để các doanh nghiệp có điều kiện tham gia cung cấp đa dạng các dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông và các dịch vụ mới: Bổ sung Điều 16 quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ; Điều 17 quy định về nguyên tắc cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn và Điều 18 quy định về nghĩa vụ của các doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường;

 - Để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng và hoạt động ổn định của thị trường viễn thông, tăng cường đảm bảo quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, dự thảo Luật bổ sung quy định cụ thể tại Điều 24 về ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông trong đó nêu rõ các trường hợp được ngừng kinh doanh và trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường phải đáp ứng các điều kiện, trình tự, thủ tục chặt chẽ.

 **3. Chính sách hoàn thiện quy định cấp phép viễn thông**

 Dự thảo Luật hoàn thiện các quy định về cấp phép viễn thông theo nguyên tắc: (1) Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; (2) Áp dụng các hình thức cấp phép khác nhau phù hợp với các đối tượng kinh doanh, tạo điều kiện gia nhập thị trường thuận lợi hơn, đồng thời, quản lý cấp phép chặt với các trường hợp đặc biệt; (3) Phù hợp với các cam kết, thông lệ quốc tế và thực tế phát triển thị trường viễn thông Việt Nam. Cụ thể:

 - Để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy định phù hợp về các điều kiện cấp phép cho từng đối tượng tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông, dự thảo Luật bổ sung quy định về hình thức cấp giấy phép viễn thông tại Điều 36 áp dụng theo 3 hình thức: (1) Cấp phép riêng: là hình thức cấp giấy phép viễn thông trên cơ sở ấn định các điều kiện và nghĩa vụ riêng về triển khai mạng viễn thông cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép dựa trên mục tiêu quản lý nhà nước về viễn thông tại thời điểm cấp phép; (2) Cấp phép nhóm: là hình thức cấp giấy phép viễn thông được thực hiện trên cơ sở xem xét việc đáp ứng các điều kiện cấp giấy phép quy định chung cho các tổ chức đề nghị cấp phép; (3) Đăng ký: là việc doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tự kê khai, chịu trách nhiệm đảm bảo đáp ứng các điều kiện khi cung cấp dịch vụ theo quy định của luật này;

 - Điều 35 dự thảo Luật quy định điều chỉnh hai (02) loại Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông thành Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cấp cho đối tượng doanh nghiệp có thiết lập mạng và không thiết lập mạng để đơn giản hoá thủ tục hành chính và phù hợp với các cam kết quốc tế.

 - Điều 39 dự thảo Luật sửa đổi các quy định về điều kiện cấp giấy phép theo hướng phù hợp, thuận tiện hơn cho doanh nghiệp, sửa đổi quy định cam kết đầu tư trong cấp phép của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có thiết lập mạng viễn thông theo hướng bao gồm cả yêu cầu về vốn điều lệ và cam kết triển khai mạng viễn thông, đảm bảo cấp phép cho đúng đối tượng là các doanh nghiệp có đủ năng lực và phải thực hiện đầu tư để triển khai mạng viễn thông đúng như giấy phép được cấp.

 **4. Chính sách về quản lý, phát triển dịch vụ viễn thông vệ tinh**

 Xu thế phát triển dịch vụ vệ tinh chùm với các dịch vụ xuyên biên giới mang tính chất thu thập dữ liệu như hình ảnh, truy cập băng rộng tốc độ cao,... có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, ảnh hưởng đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi của người sử dụng, đồng thời, tác động đến thị trường dịch vụ băng rộng cố định và di động mặt đất trong nước. Điều đó đặt ra yêu cầu phải cụ thể hóa các cam kết quốc tế và bổ sung các điều kiện nhằm quản lý hiệu quả thị trường dịch vụ viễn thông vệ tinh.

 Dự thảo Luật sửa đổi hoàn thiện các quy định về việc cung cấp dịch vụ dịch vụ viễn thông qua biên giới (Điều 22) theo nguyên tắc: (1) Nội luật hóa cam kết quốc tế về việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới; (2) Đảm bảo an toàn, an ninh, quốc phòng khi cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam thông qua các yêu cầu kỹ thuật. Cụ thể:

 - Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam;

 - Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải có phương án kỹ thuật cần thiết để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và bảo đảm an ninh thông tin hoặc thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là cơ sở pháp lý để quy định phải đặt các hệ thống kỹ thuật kết nối, quản lý POP/Gateway vệ tinh tại Việt Nam trong Nghị định hướng dẫn;

 - Giao Chính phủ quy định chi tiết việc cung cấp dịch vụ qua biên giới để đảm bảo tính linh hoạt về độ mở của thị trường khi dịch vụ viễn thông vệ tinh đang phát triển nhanh và các đàm phán mở cửa thị trường, chính sách quản lý đang tiếp tục được hoàn thiện.

 **5. Chính sách về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây**

Xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin và tự động hóa đặt ra những yêu cầu mới đối với lĩnh vực viễn thông. Dữ liệu thay vì được lưu trữ phân tán ở người dùng thì được lưu trữ, xử lý tập trung tại các hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Hạ tầng điện toán đám mây được tích hợp với hạ tầng trung tâm dữ liệu để lưu trữ, xử lý dữ liệu sau đó được truyền đưa thông qua thông qua kết nối viễn thông, mạng viễn thông. Trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây là các thành phần hạ tầng mới hội tụ với hạ tầng viễn thông tạo thành hạ tầng thống nhất thực hiện việc lưu giữ, truyền, đưa, xử lý dữ liệu và là hạ tầng quan trọng của nền kinh tế.

 Các dịch vụ mới trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây được cung cấp trên hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và được quản lý theo nguyên tắc: (1) Là các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, được quản lý theo khung pháp luật chung về viễn thông nhưng có các chính sách để ưu tiên phát triển vì là dịch vụ mới, quan trọng; (2) Quản lý bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, tránh tình trạng bảo hộ ngược; Các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải có thoả thuận thương mại với doanh nghiệp trong nước hoặc đặt văn phòng đại diện; (3) Với mục tiêu phát triển Việt Nam thành Trung tâm dữ liệu của khu vực (Digital Hub), thay vì quản lý đầu tư nước ngoài thông qua tỷ lệ vốn góp, Nhà nước quản lý chặt chẽ thông qua các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về viễn thông, an toàn thông tin, dữ liệu, chuyên ngành … để đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu của người dùng. Cụ thể:

 - Bổ sung giải thích các thuật ngữ “trung tâm dữ liệu”, “dịch vụ trung tâm dữ liệu”, “điện toán đám mây”, “dịch vụ điện toán đám mây” để làm rõ các dịch vụ được bổ sung trong luật và phạm vi điều chỉnh của luật này bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho người sử dụng Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây;

 - Bổ sung các dịch vụ này nằm trong nhóm dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và việc quản lý kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây thực hiện theo các quy định quản lý kinh doanh dịch vụ viễn thông (tuân theo các quy định về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, giá cước, quy định về an toàn thông tin của Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng). Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây trong nước phải xin cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo hình thức cấp phép nhóm, còn các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam hoặc đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Do đây là các dịch vụ mới cần được ưu tiên phát triển nên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ này được loại trừ một số trách nhiệm như không phải nộp quỹ dịch vụ viễn thông công ích, phí quyền hoạt động viễn thông…

 - Bổ sung một số nghĩa vụ của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây như yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng, an toàn thông tin ... và các quy định về lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu theo hướng áp dụng chung cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong nước và doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ theo hình thức xuyên biên giới đến người sử dụng tại Việt Nam. Đề xuất Luật giao Chính phủ quy định việc sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây trong hoạt động của cơ quan nhà nước để bảo đảm các yêu cầu về an toàn, an ninh. Các yêu cầu riêng (nếu có) đối với việc sử dụng các dịch vụ này trong các ngành, lĩnh vực cụ thể sẽ do pháp luật chuyên ngành đó quy định.

 **6. Chính sách về quản lý dịch vụ ﻿ứng dụng Internet trong viễn thông**

 Hiện nay, các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (gọi tắt là OTT viễn thông - các dịch vụ trên Internet cung cấp tính năng tương tự dịch vụ viễn thông như gọi điện thoại, nhắn tin,…) được sử dụng ngày càng phổ biến, có khả năng thay thế cho các dịch vụ viễn thông trong khi pháp luật hiện hành chưa có quy định quản lý, dẫn đến không bảo đảm quyền lợi của người sử dụng, an toàn, an ninh thông tin. Một số nước trên thế giới (ví dụ như Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc) đã phân loại dịch vụ này là dịch vụ viễn thông và thực hiện quản lý theo pháp luật về viễn thông. Dự thảo Luật đưa ra các quy định quản lý trên nguyên tắc: (1) Tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ trong nước phát triển; (2) Tạo môi trường pháp lý bình đẳng, tránh tình trạng bảo hộ ngược giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam; (3) Bảo vệ quyền lợi người dùng và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

 Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đánh giá tình hình thực tiễn, dự thảo luật đã bổ sung một số quy định liên quan đến dịch vụ này như sau:

 - Bổ sung giải thích thuật ngữ “dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông” và phân loại dịch vụ này thuộc loại hình dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng.

 - Đề xuất chính sách quản lý có cân nhắc đến sự khác nhau giữa các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông có thu phí và không thu phí. Trường hợp có thu phí, doanh nghiệp trong nước phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo hình thức cấp phép nhóm, doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải có thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp trong nước được cấp phép. Trường hợp không thu phí, doanh nghiệp trong nước thực hiện thủ tục đăng ký, doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải thông qua thỏa thuận thương mại hoặc đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam nếu có quy mô tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng theo quy định của Chính phủ (dựa trên số lượng người sử dụng dịch vụ hoặc phát sinh lưu lượng dịch vụ tại thị trường Việt Nam). Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sở hữu cổ phần, phần vốn góp tối đa đến 65% vốn điều lệ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (mức hạn chế này tương tự như đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trong cam kết WTO của Việt Nam). Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông theo hình thức có thu phí hoặc không thu phí nhưng có quy mô tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng theo quy định của Chính phủ phải bảo đảm chất lượng dịch vụ.

 **7. Hoàn thiện các quy định đã có của Luật hiện hành**

 Hoàn thiện các quy định về viễn thông công ích, kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình viễn thông, tài nguyên viễn thông, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông đảm bảo sự đồng bộ với các luật mới đã được Quốc hội thông qua trong thời gian vừa qua; sửa đổi, bổ sung các quy định về đấu giá tài nguyên viễn thông, các quy định về thẻ trả trước và tài khoản SIM thuê bao di động cho phù hợp.

***7.1. Lắp đặt công trình viễn thông trên đất công, tài sản công***

 Hạ tầng viễn thông là hạ tầng quan trọng, cơ bản thiết yếu của nền kinh tế, cần được triển khai rộng khắp trên toàn quốc. Để tạo thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp, dự thảo Luật đề xuất bổ sung quy định công trình viễn thông được lắp đặt trên đất công, trụ sở công, công trình công, địa điểm công và các tài sản công khác (Khoản 1 Điều 64).

***7.2. Đấu giá kho số viễn thông, tài nguyên Internet***

﻿Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định kho số viễn thông, tài nguyên Internet là tài nguyên và phải thực hiện thu cấp quyền khai thác tài nguyên này. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh nhiều khó khăn vướng mắc khi xác định mã, số viễn thông, tên miền Internet có cấu trúc đặc biệt và có giá trị thương mại cao để mang ra đấu giá. Bên cạnh đó, việc xác định giá khởi điểm các tài nguyên này cũng không xác định được do tính chất vô hình của mã số viễn thông, tài nguyên Internet, đồng thời, cũng không có giá thế giới để so sánh tham chiếu.

Để giải quyết các khó khăn vướng mắc trên, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 4 Điều 52) quy định rõ loại tài nguyên đấu giá trong viễn thông là số thuê bao dịch vụ viễn thông di động mặt đất có từ 02 người trở lên đăng ký sử dụng; tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 có độ dài 1 hoặc 2 ký tự (trừ các tên miền được bảo vệ và các tên miền dùng chung theo quy định của pháp luật); Các loại mã số viễn thông khác sẽ cấp theo hình thức trực tiếp để các doanh nghiêp nhanh chóng được tiếp cận tài nguyên, đưa vào khai thác kinh donah dịch vụ. Dự thảo Luật cũng quy định giá khởi điểm để đấu giá 1 số thuê bao viễn thông di động là 1 triệu đồng và giá khởi điểm tên miền Internet đưa ra đấu giá là phí một năm sử dụng tên miền (10 triệu đồng với tên miền 2 ký tự, 40 triệu đồng với tên miền 1 ký tự).

Về hình thức đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet: dự thảo Luật quy định việc khảo sát nhu cầu bằng hình thức trực tuyến và thực hiện đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến theo phương thức trả giá lên để phù hợp với tính chất đặc thù của tài sản đấu giá trong lĩnh vực viễn thông. Các trình tự, thủ tục đấu giá vẫn thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, dự thảo Luật không quy định trình tự, thủ tục riêng. Khi triển khai việc đấu giá kho số viễn thông, tên miền Internet, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá sẽ có thỏa thuận cụ thể với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định.

***7.3. Quản lý thẻ trả trước và tài khoản SIM thuê bao di động***

Dự thảo Luật bổ sung, nâng cấp các nội dung về quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động và tài khoản SIM thuê bao di động để hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở đầy đủ cho công tác quản lý hoạt động này. Quy định trong dự thảo Luật (Điều 62): Thẻ trả trước dịch vụ viễn thông được dùng để nạp vào tài khoản SIM thuê bao di động. Tài khoản SIM thuê bao di động được dùng để chi trả cho dịch vụ viễn thông, dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động hợp pháp. Trên cơ sở đó, giao Chính phủ quy định chi tiết. Nội dung quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông và tài khoản SIM thuê bao di động không phải là chính sách mới, các nội dung này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Nghị định 25/2011/NĐ-CP, Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, Thông tư 17/2016/TT-BTTTT, Thông tư số 08/2017/TT-BTTTT).

 **7.4. Quản lý dịch vụ kết nối Internet vạn vật (IoT), kết nối máy - máy (M2M)**

﻿Xu thế IoT/M2M sẽ phát triển mạnh, cần bổ sung các quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển IoT/M2M, đồng thời, bảo đảm an toàn, an ninh, bảo vệ dữ liệu người sử dụng. Dự thảo Luật đã sửa đổi khái niệm dịch vụ viễn thông theo hướng khái quát hơn để bao hàm dịch vụ này trong dịch vụ viễn thông (Khoản 6 Điều 3), trên cơ sở đó, hoạt động quản lý được thực hiện theo các quy định chung về quản lý kinh doanh dịch vụ viễn thông và Chính phủ quy định chi tiết trong Nghị định hướng dẫn.

 **8. Điều khoản thi hành**

 - Quy định chuyển tiếp đảm bảo các giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng, giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông đã được cấp theo Luật Viễn thông 2009 vẫn tiếp tục có hiệu lực đến hết thời gian ghi trong giấy phép;

 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan.

 *(Chi tiết các nội dung như dự thảo luật gửi kèm theo).*

##  V. TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN

 Để bảo đảm tính thống nhất, dự thảo Luật đã được rà soát với các luật khác trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan như Luật Công nghệ thông tin, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Giá, Luật Phí và lệ phí, Luật Đấu giá tài sản,...

 Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn, dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi để đảm bảo Luật Viễn thông (sửa đổi) sẽ không bị chồng chéo về mặt phạm vi cũng như đã kế thừa một số quy định trong các Luật này, đồng thời, bổ sung những quy định liên quan cần thiết phù hợp thực tế phát triển mà các Luật này còn thiếu. Đồng thời, rà soát với các luật khác liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công…. để đảm bảo các quy định trong Luật Viễn thông sửa đổi được đồng bộ, tuân thủ quy định hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

 Kết quả rà soát pháp luật được thể hiện cụ thể trong *Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật* (*gửi kèm theo Tờ trình*).

##  VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

 Để bảo đảm không mâu thuẫn, trái với các điều ước, cam kết, hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) đã được rà soát về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan đến nhân quyền và hoạt động viễn thông. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do, trong đó có nội dung liên quan đến hoạt động viễn thông được quy định trong các cam kết như:

- Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO);

- Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA);

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP);

- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA);

- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA);

- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Úc và Niu Di-lân (AANZFTA);

- Hiệp định Thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á – Âu (VN – EAEUFTA);

- Hiệp định Thương mại tự do ASEAN và Hồng Kông (Trung Quốc);

- Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA);

- Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP);

 Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với các điều ước quốc tế. Nội dung dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) hiện đều tương thích với các điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia nói trên cũng như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Các nội dung cam kết liên quan đến lĩnh vực viễn thông đã được nội luật hóa trong dự thảo Luật sửa đổi cũng như các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.

##  VII. VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

 Thực hiện Luật Bình đẳng giới, các quy định liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập với sự tham gia của cả nam và nữ, tất cả các thành viên đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội, cân nhắc câu chữ và quán triệt trong quá trình soạn thảo về vấn đề bình đẳng giới;

 Trong quá trình triển khai xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì cũng như Ban soạn thảo đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới. Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, có lồng ghép một số chính sách nhằm cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

 **VIII. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC QUỐC HỘI BAN HÀNH**

Sau khi dự thảo Luật được Quốc hội thông qua sẽ có một số các hoạt động chủ yếu gồm: xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành), các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để phổ biến những nội dung mới của Luật...); triển khai thi hành Luật và theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; thanh tra, kiểm tra, giám sát; đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi. Chi phí cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế,...). Dự kiến kinh phí thực thi Luật bao gồm:

 - Kinh phí để xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật;

 - Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

 - Kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát và chi phí phục vụ tình hình thực thi Luật được lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, địa phương, tổ chức, cá nhân.

 Với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực, các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương có đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua. Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan đến quản lý công tác thi hành pháp luật về viễn thông như Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản để thực thi Luật Viễn thông (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực.

##  IX. TIẾP THU Ý KIẾN ĐÓNG GÓP, Ý KIẾN THẨM ĐỊNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

 **1. Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý**

 Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được 98 văn bản đóng góp ý kiến với 793 ý kiến cụ thể cho dự thảo Luật của các Bộ, cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hội, hiệp hội, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp liên quan. Tất cả các ý kiến đóng góp đều đã được Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu nghiêm túc để tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật và các báo cáo kèm theo;

 *Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước được gửi kèm theo Tờ trình này.*

##  2. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

 Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Báo cáo thẩm định số 17/BCTĐ-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi). Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật theo ý kiến thẩm định;

 *Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp được gửi kèm theo Tờ trình này.*

## 3. Vấn đề còn ý kiến khác nhau

## Qua tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ngoài những nội dung Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý và đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) và hồ sơ dự án luật, còn nội dung liên quan đến Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích có ý kiến khác nhau. Cụ thể:

## Bộ Tư pháp có ý kiến đề nghị cân nhắc việc quy định về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích tại dự án Luật. Hoạt động viễn thông công ích cần được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Theo ý kiến của Bộ Tư pháp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách mang ý nghĩa công ích. Về nguyên tắc, nguồn tài chính hình thành Quỹ này do ngân sách nhà nước đảm bảo. Tuy nhiên, theo dự án Luật, nguồn tài chính hình thành nên Quỹ này lại chủ yếu chỉ từ đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông và không sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước. Việc yêu cầu doanh nghiệp viễn thông phải đóng góp kinh phí cho Quỹ ngoài các khoản thuế, phí, lệ phí mà doanh nghiệp đã nộp theo quy định nên được cân nhắc để phù hợp với pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Mặt khác, hoạt động của Quỹ trong thời gian qua còn chưa hiệu quả, bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập đến nay chưa được giải quyết.

## Về nội dung này, Bộ Thông tin và Truyền thông giải trình như sau:

## - Đối với nội dung nguồn tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là quỹ tài chính ngoài ngân sách Nhà nước; nguồn tài chính của Quỹ không lấy từ ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, theo đó “Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước” (Khoản 19 Điều 4) và “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Khoản 11 Điều 8).

## - Đối với sự phù hợp với pháp luật về thuế, phí, lệ phí: Phí, lệ phí là khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước khi tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công. Thuế là khoản doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước tính theo lợi nhuận từ toàn bộ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được tính chỉ theo doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp, không thu từ các hoạt động kinh doanh khác, dùng để thực hiện chính sách viễn thông công ích của nhà nước. Với cơ chế như trên, việc đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ không trái với quy định pháp luật về thuế, phí, lệ phí cũng như pháp luật về ngân sách nhà nước.

## - Đối với nội dung hoạt động của Quỹ trong thời gian qua: Các bất cập, hạn chế trong hoạt động của Quỹ thời gian qua chủ yếu liên quan đến vấn đề thực hiện nhiệm vụ, đã được xử lý tại các văn bản mới ban hành về điều hành chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

## - Đối với sự cần thiết duy trì quy định về Quỹ trong dự thảo Luật sửa đổi: Việc tiếp tục duy trì quy định về Quỹ trong dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) là phù hợp với chính sách quản lý viễn thông, phát triển kinh tế - xã hội, cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện nay, cụ thể:

## Thứ nhất, đây là công cụ điều tiết quan trọng của Nhà nước nhằm cân bằng giữa cạnh tranh và phục vụ, giữa kinh doanh và công ích, giữa lợi nhuận và phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong đóng góp của các doanh nghiệp, Nhà nước phải thành lập tổ chức tài chính trung gian (Quỹ) để quản lý sử dụng các khoản đóng góp này. Về dài hạn, việc tiếp tục duy trì cơ chế chủ động về kinh phí của quỹ sẽ đảm bảo tính linh hoạt và kịp thời trong việc triển khai các hoạt động viễn thông công ích ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## Thứ hai, đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ là một hình thức Nhà nước và doanh nghiệp cùng làm, kết hợp chia sẻ trách nhiệm về tài chính để hỗ trợ dịch vụ công ích.

## Thứ ba, việc quy định cơ chế cung cấp dịch vụ trên cơ sở đóng góp từ doanh thu dịch vụ viễn thông vào Quỹ nhằm đáp ứng cam kết của Việt Nam về quản lý nhà nước dịch vụ viễn thông công ích khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007.

## Thứ tư, việc hình thành và quy định về Quỹ trong luật là đúng theo xu thế quản lý nhà nước về viễn thông trên thế giới. Theo thống kê của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), tính đến năm 2009, có 50 nước trên thế giới thành lập Quỹ phổ cập dịch vụ viễn thông; Năm 2013, Quỹ được triển khai tại 67 nước và đến năm 2019 đã được triển khai tại 91 nước, trong đó có 5 nước ASEAN.

##  X. KIẾN NGHỊ

 Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

 Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi); (2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (3) Báo cáo thẩm định dự án Luật; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (5) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật; (6) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế; (7) Báo cáo đánh giá vấn đề bình đẳng giới; (8) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Luật.

 Trân trọng kính trình./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Bộ trưởng (để báo cáo);- Thứ trưởng Phạm Đức Long;- Lưu: VT, CVT(3). | KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG**Phạm Đức Long** |